| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CƯ JÚT**<br>**TỈNH ĐẮK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST<br>Ngày: 30/9/2024<br>V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lê Thị Tím.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Hòa, bà Lê Thị Hòa
***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Thu Uyên - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1974. Có đơn xin xét xử vắng mặt
*Bị đơn:* Anh **Bùi Văn Q**, sinh năm 1974. Vắng mặt
Cùng Địa chỉ: Thôn Tr, xã P, huyện J, tỉnh Đăk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến năm 2024 mới đăng ký kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện J, tỉnh Đăk Nông. Chị L và anh Q chung sống với nhau và kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, do chị L và anh Q không hợp nhau, không cùng quan điểm sống từ việc làm ăn kinh tế đến việc nuôi dạy con cái, anh chị thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Nay chị L không còn tình cảm với anh Q nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị L và anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh Q có 02 con chung là Bùi Thị Y, sinh năm 1993 và Bùi Thị Tr, sinh năm 1997. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị L không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bùi Văn Q, tuy nhiên tại phiên tòa anh Q vắng mặt không có lý do.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát**: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn Q

Về yêu cầu nuôi con chung: Các con chung của chị L và anh Q đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Buộc chị Bùi Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên quan hệ tranh chấp là "Ly hôn". Bị đơn là anh Bùi Văn Q có nơi cư trú tại thôn Tr, xã P, huyện J, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Văn Q vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến năm 2024 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện J, tỉnh Đắk Nông. Việc chị L và anh Q chung sống với nhau như vợ chồng và kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

*"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Chị L cho rằng vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau từ việc làm ăn kinh tế đến việc nuôi dạy con cái, anh chị thường xuyên cải nhau, cuộc sống vợ chồng anh chị không có hạnh phúc.

Theo biên bản xác minh ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại thôn Tr, xã P, huyện J, tỉnh Đăk Nông, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin "Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn Q có đăng ký hộ khẩu và chung sống tại thôn Tr, xã P, huyện J, tỉnh Đăk Nông. Thời gian gần đây vợ chồng anh chị có xảy ra một số mâu thuẫn".

Trong quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên chị L không còn tình cảm đối với anh Q, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn Q.

[3.2] Về yêu cầu nuôi con chung: Trong quá trình chung sống chị L và anh Q có hai người con chung là Bùi Thị Y, sinh năm 1993 và Bùi Thị Tr, sinh năm 1997. Các con chung của anh chị đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.3]. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 19; 51; 56; 57; 58 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

***Tuyên xử:***

**1**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn Q

b. Về yêu cầu nuôi con chung: Các con chung đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.**Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0005107, ngày 17/6/2024.

**3**. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận***
*- STP tỉnh Đắk Nông;*
*- TAND tỉnh Đắk Nông;*
*- VKSND huyện Cư Jút;*
*- Chi cục THA huyện Cư Jút;*
*- UBND xã Ea Pô*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Lê Thị Tím**